

# BÀI TỰA ĐẠI NAM QUỐC NGŨ

[Trang Bìa]

成泰己亥年孟秋鐫

海株子阮文珊編輯

## 大南國語

文江多牛文山堂藏板

Thành Thái Kỷ Hợi Niên Mạnh Thu Tuyên

Hải Chu Tử Biên Tập

## Đại Nam Quốc Ngữ

Văn Giang Đa Ngu Văn San Đường Tàng Bản

[tờ 1/3]

序子曰人不為周南召南譬猶正面牆而立又曰多識鳥獸草木之名聖門之學不求高遠不厭卑近以此而入道也余昔觀人改厝見使房堅固其中有𧈧蜘蛛四五尾不知所以及觀醫書有謂人之手甲化為黃鰮魚問之良醫黃鰮是何魚皆不知考之本草註黃鰮為𧈧蜘蛛夫中國一國也而有楚人齊語况我國與北國言語不同非南譯北音萬物何由而詳想夫僕蟲三百人為之長天地之性人為貴貴其知識也今則閑閤

Tự

Từ viết nhân bất vi Chu Nam, Triệu Nam thí do chính diện tường nhi lập, hựu viết đa thức điều thú thảo mộc chi danh, Thánh môn chi học bất cầu cao viễn, bất yếm ti cận, dĩ thử nhi nhập đạo dã. Dư tích quán nhân cải thổ (thác 錯) kiến sử phòng kiên cố kỳ trung hữu cá tri (cá trê) tứ ngữ vĩ, bất tri sở dĩ. Cập quán y thư, hữu vi nhân chi thủ giáp hóa vi hoàng tâng ngư. Vấn chi lương y hoàng tâng thị hà ngư, giai bất tri. Khảo chi Bản Thảo chú hoàng tâng vi cá trê. Phù, Trung quốc nhất quốc dã, nhi hữu Sở nhân, Tề ngữ, huống ngã quốc dữ Bắc quốc ngôn ngữ bất đồng, phi Nam dịch Bắc âm vạn vật hà do nhi tường. Tường phù khóa trùng tam bách, nhân vi chi trưởng. Thiên địa chi tính nhân vi quý, quý kỳ tri thức dã. Kim tắc nhàn ám, [tờ 1/3]

Đức Phu Tử dạy ta rằng<sup>1</sup> “Người chẳng đọc Chu Nam, Triệu Nam<sup>2</sup> khác nào đứng quay mặt vào tường. Ngài cũng có dạy thêm cần biết phân biệt tên các loài chim chóc, thú vật, cây cỏ. Đạo Nho không cần phải tìm tòi cao thấp, gần xa; như vậy cũng gọi là vào Cửa Nho đó.”

Lúc trước, ta có xem đám cải tâng, nhìn vào bên trong, thấy quan tài bền chắc mà lại có bốn năm con cá trê, không biết vì sao. Xem trong sách y học, thấy được lời giải thích “móng tay của người chết biến thành cá hoàng tâng”. Hỏi các lương y “hoàng tâng là gì”, không ai biết. Khảo xét sách *Bản Thảo* thấy lời chú: “hoàng tâng là con cá trê”.

Ôi, Trung Quốc là một nước vậy mà còn có “người Sờ, tiếng Tề”, hưởng chi nước ta với Bắc quốc ngôn ngữ bất đồng, chẳng dùng tiếng Nam mà dịch ra tiếng Bắc thì làm sao hiểu rõ ràng được vạn vật.

Ôi, trong khoảng ba trăm loài khả trùng<sup>3</sup> thì con người được đứng hàng đầu. Trời Đất sinh ra tính tình<sup>4</sup> con người là quý, quý trọng ở chỗ có hiểu biết vậy. Bây giờ, cứ nhàn nhã, chẳng học hỏi thêm thì phép tắc lờ mờ, [tờ 1/3]

### Phụ Chú

1. Thuở nhỏ, khi mới học chữ Nho, khởi đầu với chương 學而 (Học Nhi) trong tập

論語 (Luận Ngữ):

子曰 “學而時習之，不亦悅乎？ Tử viết “học nhi thì tập chi, bất diệc duyệt hồ?  
有朋自遠方來，不亦樂乎？ Hữu bằng tự viễn phương lai, bất diệc lạc hồ?  
人不知而不愠，不亦君子乎？ Nhân bất tri nhi bất uân, bất diệc quân tử hồ?”  
Trước học chữ, kẻ đó học từ, sau mới dịch nghĩa.

Trong phần dịch nghĩa, tôi dịch 子曰 Không Tử nói rằng.

Chỗ này gia nghiêm sửa lại Đức Phu Tử dạy ta rằng...

2. Chu Nam, Thiệu Nam là hai tập thơ Quốc Phong trong Kinh Thi.

Sau đây là thiên mở đầu của mỗi tập:

- Thơ Chu Nam, thiên mở đầu, trong tổng số 11 thiên.

• 詩經 · 國風 · Thi Kinh · Quốc Phong

關關雎鳩、在河之洲。 Quan quan thư cưu, tại hà chi châu.  
窈窕淑女、君子好逑。 Yểu điệu thục nữ, quân tử hảo cầu.  
參差荇菜、左右流之。 Sâm si hạnh thái, tả hữu lưu chi.  
窈窕淑女、寤寐求之。 Yểu điệu thục nữ, ngụ寐 cầu chi.  
求之不得、寤寐思服。 Cầu chi bất đắc, ngụ寐 tư phục.  
悠哉悠哉、輾轉反側。 Du tai du tai, triển chuyển phản trắc.  
參差荇菜、左右采之。 Sâm si hạnh thái, tả hữu thái chi  
窈窕淑女、琴瑟友之。 Yểu điệu thục nữ, cầm sắt hữu chi.  
參差荇菜、左右芼之。 Sâm si hạnh thái, tả hữu mào chi  
窈窕淑女、鍾鼓樂之。 Yểu điệu thục nữ, chung cổ lạc chi.

Trên đây là năm bài thơ tuy nói về đức hạnh của bà Hậu phi, nhưng cốt nêu tỏ cách sửa mình, tề gia của Văn Vương.

- Thơ Thiệu Nam, thiên mở đầu, trong tổng số 14 thiên.

維鵲有巢、維鳩居之。 Duy thước hữu sào, duy cưu cư chi.  
之子于歸、百兩御之。 Chi tử vu quy, bách lưỡng ngự chi.  
維鵲有巢、維鳩方之。 Duy thước hữu sào, duy cưu phương chi.  
之子于歸、百兩將之。 Chi tử vu quy, bách lưỡng tương chi.

維鵲有巢、維鳩盈之。 Duy thước hữu sào, duy cưu doanh chi,  
之子于歸、百兩成之。 Chi tử vu quy, bách lưỡng thành chi.

3. 保蟲(khoả trùng): 保(khoả): trần, không mặc quần áo; 蟲(trùng): loài sâu có chân, con người cũng là một loài sâu có chân.
4. Tính tình: Ngạn ngữ có câu “Cha mẹ sinh con, Trời sinh tính”. Cụ Nguyễn Du có viết “Thông minh vốn sẵn tính Trời...”
5. 閑闇(nhàn ám): 閑(nhàn)=thói quen, an nhàn; 闇(ám)=mờ mịt.

[tờ 2/3]

脂塞謂為之長而可貴之耶其間有旁觀博覽不掇之論說謂之醫生書主人用是惻然咀嚼眾流搜羅百氏九眾形名號見言論一一考核或簡而未備或註而不明亥豕紛紜亦難核正乃參考前言潛神默記博求精繙劃蠹冗煩先後森羅條委深密歲五十類顏曰大南國語或謂我邦科宦家無此亦無所損何不從政教立言却於日用常行上論將奚以為夫天地之精英寓於物一物有一物之奇倘倉或或歎啓寡聞何以究夫物理旄頭天狗機槍何星青女玄冥滕六何神香稻白稻

chi tắc vị vi chi trường nhi khả quý chi đa kỳ gian hữu bàng quan bác lãm bất xuyết chi luận thuyết vị chi nặc sanh thư. Chủ nhân dụng thị trắc nhiên trở tước chúng lưu, su la bách thị. Phàm chúng hình danh hiệu kiến ngôn luận, nhất nhất khảo hạch, hoặc giản nhi vị bị, hoặc chú nhi bất minh “hợi” “thi” phân vân diệc nan hạch chính. Nãi tham khảo tiền ngôn tiềm thần mặc ký, bác cầu tinh uẩn, hoạch ly nhữn phiền, tiên hậu sâm la. Điều ủy thâm mật thành ngũ thập loại nhan viết “Đại Nam Quốc Ngữ”. Hoặc vị ngã bang khoa hoạn gia vô thử diệc vô sở tổn. Hà bất tông chính giáo lập ngôn tức ư nhật dụng thường hành thượng luận tương hệ dĩ vi. Phù, thiên địa chi tinh anh ngụ ư vật, nhất vật hữu nhất vật chi kỳ, thăng thương hoặc hoặc khoản khảo quả văn hà dĩ cứu. Phù, vật lý Mao đầu thiên cầu. Sảm thương hà tinh, Thanh nữ, Huyền minh, Đẳng lục hà thần, hương đạo, bạch đạo. [tờ 2/3]

[Bây giờ, cứ nhân nhã, chẳng học hỏi thêm thì phép tắc lờ mờ], nay cứ bé cửa<sup>6</sup>, nghĩ là trường thượng của loại khoả trùng, là đáng quý trọng sao. Phải dành thời gian để nhìn xa trông rộng, bàn luận không ngừng, thế gọi là “sách nặc sinh”. Người chú thích sách này dùng đó mà nghiền ngẫm, su tâm khắp trăm họ.

Phàm các hình thể, tên gọi, tên hiệu của các vật đã nhìn thấy, mỗi mỗi đều đem ra khảo xét từng thứ một hoặc người chép giản lược chưa đủ, hoặc lời chú không rõ ràng như 亥(hợi), 豕(thi) hay 紛(phân), 紜(vân) cũng khó khảo hạch chính xác được, bèn tham khảo người xưa, tìm ghi chép trong sách thần tích lạng lẽ ghi rộng tìm vẽ đẹp sâu kín, cắt bỏ những tạp

nhập<sup>7</sup> trước sau rườm rà<sup>8</sup>, sắp xếp những điều thu thập được thành năm mươi loại, lấy nhan đề “**Đại Nam Quốc Ngữ**”.

Hoặc có người bảo các nhà khoa hoạn cho rằng không có những điều này cũng không tổn hại gì. sao chẳng theo chính giáo mà lập ngôn, lại lấy những việc hằng ngày để bàn luận.

Ôi, tinh anh của trời đất toả ra muôn vật, mỗi vật đều có kỳ diệu riêng; ví như ít<sup>9</sup> được nghe, được thấy thì biết lấy gì để suy cứu vật lý. Mao đầu<sup>10</sup>, Thiên cầu<sup>11</sup>, Sàm thương<sup>12</sup> là sao gì, Thanh nữ<sup>13</sup>, Huyền minh<sup>14</sup>, Đẳng lục<sup>15</sup> là thần gì, Hương đạo<sup>16</sup>, Bạch đạo<sup>17</sup>. [tờ 2/3]

## Phụ Chú

6. 塞(tắc): lấp kín, bẻ cửa
7. 冗煩(phiền nhũng): tạp nhập
8. 森羅(sâm la): rườm rà
9. 寡(quả)ít
10. 旄頭(Mao đầu) sao như hồng mao
11. 天狗(Thiên cầu) sao sáng ra ba góc
12. 欂櫨(Sàm thương) sao hình như cây giáo
13. 青女(Thanh nữ) thần làm sương
14. 玄冥(Huyền minh) thần làm mưa
15. 滕六(Đẳng lục) thần làm tuyết
16. 稻(đạo) Lúa gié. Một thứ lúa ưa cấy ruộng có nước, một năm chín hai mùa;  
米(mễ) gạo
17. 香稻(hương đạo) nếp thơm
18. 白稻(bạch đạo) nếp trắng

[tờ 3/3]

有可分歟大麥小麥有可辨歟鶻嘲反舌何禽木客錦羊何獸曰  
牛膝曰金鈴何號曰花梨曰棠棣何名袁瓘詩曰芳草不復綠王  
孫今又歸人都不解施蔭曰王孫蟋蟀也知與不知何如萍寔見  
問於聖人夢熊見辨於子產東方朔之識畢方劉子正之曉貳負  
皆不足貴歟螾螟誤食弄麀手書損乎不損乎余述是書一以自  
考一以詔諸子弟有能加心誌認不無小補若視為尋常一不可  
見寧不負聖人之所教是序

hữu khả phân dư. Đại mạch, Tiểu mạch hữu khả bân dư. Cốt trào, Phán thiết hà cầm, Mộc khách, Cẩm dương hà thú. Viết Ngưu tất, viết Kim linh hà hiệu, viết Hoa lê, viết Đường lệ hà danh. Viên quán thi viết “phương thảo bất phục lục vương tôn”. Kim hựu quy nhân đô bất giải Thi âm viết “vương tôn bất tất xuất” dã tri dữ

bất tri hà như bình thật kiến vấn ư thánh nhân mộng hùng kiến biện ư Tử Sản Đông Phương Sóc chi thức, Tất Phương, Lưu Tử Chính chi hiểu, nhị phụ giai bất túc quý dư. Bành kỳ ngộ thực, Lộng chương thủ thư tổn hồ bất tổn hồ. Dư thuật thị thư, nhất dĩ tự khảo, nhất dĩ chiếu chư tử đệ hữu năng gia tâm chí nhận bất vô tiểu bỏ. Nhược thị vi tầm thường nhất bất khả kiến ninh, bất phụ thánh nhân chi sở giáo thị. Tự. [tờ 3/3]

[香稻(hương đạo), 白稻(bạch đạo)] có thể phân biệt được ư<sup>19</sup>. Đại mạch<sup>20</sup>, Tiểu mạch<sup>21</sup> có thể phân biệt được chẳng. Cốt trào<sup>22</sup>, Phản thiết<sup>23</sup> là chim gì, Mộc khách<sup>24</sup>, Cầm dương<sup>25</sup> là thú gì. Gọi Ngưu tất<sup>26</sup>, gọi Kim linh<sup>27</sup> là gọi tên hiệu của loài gì, gọi Hoa lê<sup>28</sup>, gọi Đường lệ<sup>29</sup> là gọi tên của loài gì. Viên Quán Thi ghi rằng “phương thảo bất phục lục vương tôn”. Nay đem hỏi mọi người đều không giải thích được. Sách Thi âm ghi rằng “vương tôn là con dế<sup>30</sup>. Vậy biết và không biết là như thế nào. Hỏi Thánh hiền về Bình Thực<sup>31</sup>, hỏi về Mộng Hùng<sup>32</sup>, hỏi Tử Sản về hiểu biết của Đông Phương Sóc, Tất Phương<sup>33</sup>, Lưu Tử Chính về nhị phụ đều chưa đầy đủ. Bành kỳ trúng thực, sách Lộng chương<sup>34</sup> viết tay bị mất hay còn...

Ta soạn sách này, phần là để tự khảo học, phần là để các lớp sau người có khả năng bỏ túc thêm ít nhiều cũng có ích vậy. Nếu xem sách này mà không chê là tầm thường, ta thấy yên tâm, chẳng phụ lời chỉ dạy từ trước của thánh nhân. [tờ 3/3]

### Phụ Chú

19. 歟(dư): vậy ư, chẳng
20. 大麥(đại mạch) lúa chiêm tháng năm
21. 小麥(tiểu mạch) lúa bông nhỏ
22. 鶻嘲(cốt trào) chim đội mũ
23. 反舌(phản thiết) chim khiếu
24. 木客(mộc khách) con sóc
25. 錦羊(cầm dương) con cừu
26. 牛膝(ngưu tất) rễ có xước
27. 金鈴(kim linh) cỏ sậu đầu
28. 花梨(hoa lê) gỗ trắc
29. 棠棣(đường lệ) cây mận
30. vương tôn là con dế, gọi theo người nước Sở
31. 貳負(nhị phụ): 貳負(nhị phụ) \_記註: “《山海經》貳負之臣曰危。  
Ký chú: “*Sơn Hải Kinh* nhị phụ chi thần viết Ngụy”.  
Theo *Sơn Hải Kinh*, Nhị Phụ là tên là Ngụy của một vị quan.

## PHỤ LỤC

### I. Trích Thư Mục

1. 大南國語 (阮文珊) “Đại Nam Quốc Ngữ” (1899). Hải Châu Tử Nguyễn Văn San biên tập. Lưu trữ tại Thư viện Trường Viễn Đông Bác Cổ Paris, do Alexandre Lê gởi tặng.
2. 大南國語 (阮文珊) “Đại Nam Quốc Ngữ”. Viện Nghiên Cứu Hán Nôm, Hanoi 2013. (Giáo sư Trần Huy Bích gởi từ California lên Seattle cho mượn)
3. 摘字解音歌 *Trích Tự Giải Âm Ca* gồm mười tờ do 蘇川李老人書 Tô Xuyên Lý Lão Nhơn chép tay vào ngày 20 tháng Tám năm Thiệu Trị thứ 5 (1845).  
Tờ đầu có phần TIÊU DẪN: 摘字解音歌小引。  
昔人有著三千字解音一編逐字起韻以平仄二聲相間不拘倫次務取便讀其待蒙士誠厚矣獨以句韻短促或惜其難於成詠者薄領之暇別爲逐韻演成歌訣顏曰摘字解音歌庶令童孺蒙輩行坐吟哦因得易於記憶倘以博賢者之一莞云  
Tích nhơn hữu trữ *Tam Thiên Tự Giải Âm* nhứt biên trực tự khởi vận dĩ bình trắc nhị thanh tương gian bất câu luân thứ vụ thủ tiện độc kỳ đãi mông sĩ thành hậu hĩ độc dĩ cú vận đoan xúc hoặc tích kỳ nan ư thành vịnh giả bộ lĩnh chi hạ biệt vi trực vận diễn thành ca quyết. Nhan viết *Trích Tự Giải Âm Ca* thứ lệnh đồng nhụ mông bồi hành tọa ngâm nga nhân đặc dịch ư ký ức thảng dĩ bác hiền giả chi nhứt hoàn vân.  
Toàn văn “Trích Tự Giải Âm Ca” gồm 145 câu ca theo thể Sáu Tám.
4. 五千字解音 *Ngũ Thiên Tự Giải Âm*. Lưu trữ tại Thư viện Trường Viễn Đông Bác Cổ Paris, do Alexandre Lê gởi tặng.
5. 指南玉音解義明鑑板 *Chỉ Nam Ngọc Âm Giải Nghĩa* (Minh Giám Bản), Lưu trữ tại Soci t  Asiatique (Paris), do Alexandre L  g i t ng.
6. 詩經國風 Thi Kinh Quốc Phong. Bản dịch Kim Y Phạm Lệ Oanh. Tư liệu của cô GS Nguyễn Đình-Hoà. Hiện lưu trữ tại Library Zuzzallo, University of Washington.
7. Shi Jing [Book of Odes] Electronic version. Chinese Text Initiative University of Virginia Library Charlottesville, Virginia Chinese. URL: <http://etext.lib.virginia.edu/chinese>
8. 四書章句集注 (北京：中華書局，1983) ”Tứ Thư Chương Cú Tập Chú” (Bắc Kinh：Trung Hoa Thư Cục，1983)
9. 四書讀本：三民書局出版 ”Tứ Thư Độc Bản” (Taipei 2007).
10. 論語(中英文對照本) “Luân Ngữ (Hán Anh đối chiếu)” (Taipei 1983).
11. 大學證釋(上下冊)寸心印經處民國十五年 “Đại Học Chứng Thích” Thôn Tâm Ấn Kinh Xứ (Taipei 1926).
12. 日用常談“Nhật dụng thường đàm” 范廷琥 Phạm Đình Hổ 嗣德四年 (1851)  
同文齋藏板 Đồng Văn Trai tàng bản, do Alexandre L  g i t ng.
13. 嗣德聖製字學解義歌(十三卷 thập tam quyển) Tự Đức Thánh Chế Tự Học Giải Nghĩa Ca
14. 尚書四部要籍注疏叢刊 (北京：中華書局) “Thượng Thư” tứ bộ yếu tịch chú sơ tùng san (1998)
15. 康熙字典•同文書局原版•中華書局精印 Khang Hy Tự Điển, Bản Đồng Văn. Trung Hoa Thư Cục Tinh Ấn
16. 辭原 Từ Nguyên (2 tập)

17. 辭海•中華書局 Từ Hải (2 tập)
18. 漢越字典 Hán Việt Tự Điển. Thiều Chửu. Đuốc Tuệ. Hanoi (1942)
19. 漢越詞典 Hán Việt Từ Điển. Đào Duy Anh. Minh Tân Paris (1949)
20. 牛津高階英漢雙解詞典 Ngưu Tân Cao Giai Anh Hán Song Giải Từ Điển  
Oxford Advanced Learner's English-Chinese Dictionary. Oxford University Press (1997)
21. 辭林漢越辭典 Từ Lâm Hán Việt Từ Điển • Vĩnh Cao • Nguyễn Phổ • Nhà XB Thuận Hoá  
(2001)
22. 最新實用漢英辭典 Tới Tân Thậ Dụng Hán Anh Từ Điển A new Practical Chinese –  
English Dictionary.

序

子曰人不為周南召南譬猶正面牆而立又曰多識鳥獸草木之名聖門之學不求高遠不厭卑近以此而八道也余昔觀人改厝見便房堅固其中有子蜘蛛四五尾不知所以及觀醫書有謂人之手甲化為黃頰魚問之良醫黃頰是何魚皆不知考之本草註黃頰為子蜘蛛中國一國也而有楚人齊語況我國與北國言語不同非南譯北音萬物何由而詳想夫保蟲三百人為之長天地之性人為貴貴其知識也今則閑闕



脂塞謂爲之長而可貴之耶其間有旁觀博覽不檢之論說  
謂之醫生書主人用是惻然咀嚼衆流搜羅百氏凡衆形名覲  
見之言論二考核或簡而未備或註而不明亥豕紛紜亦難  
核正乃參考前言潛神默記博求精蘊剴剴冗煩先後森  
羅條委深密成五十類顏曰大南國語或謂我邦科宦家無此  
亦無所損何不從政教立言却於日用常行上論將奚以爲  
夫天地之精莫寓於物一物有一物之奇倘或歎啓寡聞何以  
究夫物理旄頭天狗橈槍何星青女玄冥滕六何神香稻白稻

有可分歟大麥小麥有可辨歟鶻嘲反舌何禽木客錦羊  
何獸曰牛膝曰金鈴何號曰花梨曰棠棣何名袁瓘詩曰  
芳草不復綠王孫今又歸人都不解施蔭曰王孫蟋蟀  
也知與不知何如萍寔見問於聖人夢熊見辨於子產東  
方朔之識畢方劉子政之曉貳負皆不足貴歟螭螟誤  
食弄麀手書損乎不損乎余述是書一以自考一以詔諸  
子弟有能加心誌認不無小補若視爲尋常一物不可見  
寧不負聖人之所教是序

質寔

墙面

一步不可進  
一物不可見

便房

墓中  
室也

黃頰魚

集鮮身尾俱似小  
鮐腹下黃背青

黃頰下有二橫骨兩鬚有  
胄羣游作聲性最難死也

旄頭

輶如  
紅旄

天狗

輶天狗  
紫黓巴陵

欖槍

輶欖槍形  
如弓教

青女

霜神少

玄冥

霜神少

藤六

雪神少

香稻

攝香

白稻

聶

大麥

稽占鵠  
醜名年

小麥

麥純  
尾

鶻朝

嘲毛一  
名戴帽

反舌

鳴叫一名百舌又名春鳥  
古祝鳩今反舌候禽

木客

昆朔

錦羊

昆  
裘

牛膝

靴  
綽

金鈴

靴愁  
髡

花梨

桔  
則

棠棣

核  
慢

蟋蟀

楚人謂  
之王孫

萍寔

楚王得萍於海中問諸孔子聖人曰萍  
寔可食見之將霸

夢熊

晉侯夢見熊而病于產曰鯀化為  
黃熊祭之則吉祭而病愈

畢方貳負

漢武長有獸異  
鳥狀如鶴一足

赤文白質食之百物所不肯食東方朔言名曰畢方問何以知之對出山海經宣  
帝辰奉蟠石階得石室其中有反縛盜賊械人劉子政言此貳負之臣問何以